

Bản án số: **38/2021/DS-ST**

Ngày 25 tháng 10 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Tuyền** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Như Q** – sinh năm 1992; trú tại: Số 25 đường M, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Tuyết T** – sinh năm 1992; trú tại: Tổ 04 (tổ 09 cũ), phường N, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Phạm Như Q trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông **Phạm Như Q** có cho bà **Trần Thị Tuyết T** vay tiền. Việc vay tiền thể hiện tại Hợp đồng vay tài sản không biện pháp bảo đảm có chứng nhận của Văn phòng công chứng T ngày 24.6.2020. Theo đó, bà T vay ông Q 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 24.6.2020, vay không lãi suất, mục đích vay: dùng vào việc kinh doanh. Ông Q đã giao đủ cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Tuy nhiên, quá thời hạn vay, ông Q liên lạc yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng bà T trốn tránh, không thực hiện, hiện nay bỏ đi khỏi địa

phương nên ông Q không thể liên lạc được. Nay ông Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - bà Trần Thị Tuyết T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Tuyết T trả cho ông Phạm Như Q số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Như Q với bị đơn bà Trần Thị Tuyết T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Theo đơn yêu cầu của ông Q, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn - bà Trần Thị Tuyết T theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Tuyết T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Như Q đối với bà Trần Thị Tuyết T thì thấy:

HĐXX xét thấy, xuất phát từ việc quen biết và tin tưởng lẫn nhau nên vào ngày 24 tháng 6 năm 2020, ông Phạm Như Q đã cho bà Trần Thị Tuyết T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Phạm Như Q đã cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng vay tài sản không biện pháp bảo đảm” có chứng nhận của Văn phòng công chứng T ngày 24.6.2020 có nội dung thể hiện việc bà Trần Thị Tuyết T có vay ông Phạm Như Q 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hạn trong vòng 03 tháng tính từ ngày 24.6.2020 sẽ hoàn trả, việc vay tiền không lãi suất.

Bị đơn - bà Trần Thị Tuyết T mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Như Q trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ ông Phạm Như Q, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Trần Thị Tuyết T nợ ông Phạm Như Q số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Như Q đối với bà Trần Thị Tuyết T về việc đòi số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Ông Phạm Như Q không yêu cầu bà Trần Thị Tuyết T thanh toán lãi suất do chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 3%) = 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Chi phí cho việc đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Phạm Như Q chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Phạm Như Q đối với bà Trần Thị Tuyết T.

Buộc bà Trần Thị Tuyết T phải trả cho ông Phạm Như Q số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Như Q có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị Tuyết T không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Trần Thị Tuyết T phải chịu thêm khoản tiền lãi, ương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Chi phí cho việc đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Phạm Như Q chịu. Ông Q đã tự chi xong.

3. Hoàn trả cho ông Phạm Như Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0009254 ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh